



KPMG Limited  
46th Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Street, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông  
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 27-03-2024, được trình bày từ trang 5 đến trang 43.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 23-02-00183-24-2



Trương Vĩnh Phúc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 1901-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, **2-7 -03- 2024**

Trương Tuyết Mai

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 2594-2024-007-1

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023**

**Mẫu B 01 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2023 VND</b>	<b>1/1/2023 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>952.336.589.221</b>	<b>891.313.537.869</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>102.662.830.867</b>	<b>132.428.793.188</b>
Tiền	111		28.462.830.867	19.428.793.188
Các khoản tương đương tiền	112		74.200.000.000	113.000.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>700.749.589.041</b>	<b>570.000.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	700.749.589.041	570.000.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>68.621.800.142</b>	<b>116.508.367.741</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	76.730.872.912	124.853.635.725
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		8.851.840.062	3.006.513.922
Phải thu ngắn hạn khác	136	8(a)	20.949.770.384	26.110.992.204
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(37.910.683.216)	(37.462.774.110)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>76.802.174.149</b>	<b>69.440.016.311</b>
Hàng tồn kho	141		76.802.174.149	69.440.016.311
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.500.195.022</b>	<b>2.936.360.629</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.460.660.912	2.936.360.629
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	18	39.534.110	-

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*



**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2023 VND</b>	<b>1/1/2023 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>475.056.991.427</b>	<b>567.993.475.079</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>2.586.303.754</b>	<b>4.609.797.650</b>
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	7	205.000.000	205.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	8(b)	6.248.303.754	10.771.797.650
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	9	(3.867.000.000)	(6.367.000.000)
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>433.894.737.237</b>	<b>530.344.178.698</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	11	399.755.042.929	528.553.178.698
Nguyên giá	222		1.812.056.105.998	1.810.529.654.109
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.412.301.063.069)	(1.281.976.475.411)
Tài sản cố định vô hình	227	12	34.139.694.308	1.791.000.000
Nguyên giá	228		34.622.452.920	2.190.877.920
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(482.758.612)	(399.877.920)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>5.087.805.000</b>	<b>1.450.080.000</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	5.087.805.000	1.450.080.000
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>14</b>	<b>6.383.410.964</b>	<b>8.166.843.634</b>
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	252		-	1.749.423.599
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		60.587.790.000	60.587.790.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(54.204.379.036)	(54.170.369.965)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>27.104.734.472</b>	<b>23.422.575.097</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	16.936.616.665	13.261.259.104
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16(a)	10.168.117.807	10.161.315.993
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>1.427.393.580.648</b>	<b>1.459.307.012.948</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>152.683.345.260</b>	<b>162.715.901.559</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>137.115.976.875</b>	<b>126.892.969.856</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	20.104.081.613	11.474.314.298
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		346.196.748	2.926.716.648
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	5.200.278.036	67.948.322.853
Phải trả người lao động	314		14.552.339.712	13.170.814.582
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		2.328.830.543	1.525.519.212
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	11.524.861.565	10.489.482.178
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	20	56.341.590.408	7.562.500.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	21	26.717.798.250	11.795.300.085
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>15.567.368.385</b>	<b>35.822.931.703</b>
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		65.277.000	65.277.000
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	16(b)	14.853.758.052	14.369.633.871
Dự phòng phải trả dài hạn	342	20	648.333.333	21.388.020.832
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>1.274.710.235.388</b>	<b>1.296.591.111.389</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>22</b>	<b>1.274.710.235.388</b>	<b>1.296.591.111.389</b>
Vốn cổ phần	411	23	684.709.410.000	684.709.410.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		684.709.410.000	684.709.410.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	22	10.935.240.106	10.935.240.106
Quỹ đầu tư phát triển	418	24	306.357.134.201	306.357.134.201
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		272.708.451.081	294.589.327.082
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		185.770.378.882	47.043.961.465
- LNST năm nay	421b		86.938.072.199	247.545.365.617
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>1.427.393.580.648</b>	<b>1.459.307.012.948</b>

Người lập:

27-03-2024

Người duyệt:



Phạm Thị Thu Hương  
Kế toán



Bùi Đức Hòa  
Kế toán trưởng



Vũ Đình Hiền  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2023**

**Mẫu B 02 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2023 VND	2022 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		549.613.585.467	876.132.151.072
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11		432.355.190.867	722.572.856.802
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>117.258.394.600</b>	<b>153.559.294.270</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	53.923.340.320	26.540.689.508
Chi phí tài chính	22	28	412.855.787	13.710.900.213
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	11.334.495.714
Phần lỗ trong công ty liên kết	24	14	(1.749.423.599)	(22.094.999.897)
Chi phí bán hàng	25		3.688.228.087	3.979.289.395
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	57.772.103.383	49.076.516.135
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>107.559.124.064</b>	<b>91.238.278.138</b>
Thu nhập khác	31	30	1.306.790.776	220.503.271.472
Chi phí khác	32		197.436.516	2.941.580.146
<b>Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>1.109.354.260</b>	<b>217.561.691.326</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>108.668.478.324</b>	<b>308.799.969.464</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	21.253.083.758	57.060.236.987
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	32	477.322.367	4.194.366.860
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>86.938.072.199</b>	<b>247.545.365.617</b>
<b>Phân bổ cho:</b>				
Cổ đông của công ty mẹ	61		86.938.072.199	247.545.365.617
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	1.079	3.250

Người lập:

27-03-2024

Người duyệt:



Phạm Thị Thu Hương  
Kế toán



Bùi Đức Hòa  
Kế toán trưởng



Vũ Đình Hiền  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>2023 VND</b>	<b>2022 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>108.668.478.324</b>	<b>308.799.969.464</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao và phân bổ	02	134.798.356.461	142.607.149.268
Các khoản dự phòng	03	26.021.321.086	(25.889.148.963)
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	110.076.197	296.630.395
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(51.622.345.799)	(219.273.460.056)
Chi phí lãi vay	06	-	11.334.495.714
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>217.975.886.269</b>	<b>217.875.635.822</b>
Biến động các khoản phải thu	09	53.058.286.434	(27.831.068.335)
Biến động hàng tồn kho	10	(7.362.157.838)	15.705.152.148
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(12.153.537.118)	(3.326.818.290)
Biến động chi phí trả trước	12	(4.199.657.844)	(5.051.440.168)
		<b>247.318.819.903</b>	<b>197.371.461.177</b>
Tiền lãi vay đã trả	14	-	(11.588.272.556)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(62.590.839.507)	(11.749.999.660)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(11.731.320.835)	(11.048.915.665)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>172.996.659.561</b>	<b>162.984.273.296</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(41.986.640.000)	(1.017.732.785)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	983.644.851	217.772.528.163
Gửi tiền gửi có kỳ hạn	23	(950.038.000.000)	(960.000.000.000)
Rút tiền gửi có kỳ hạn	24	819.288.410.959	860.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	51.207.015.173	22.710.616.727
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(120.545.569.017)</b>	<b>139.465.412.105</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023****(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2023 VND	2022 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(236.694.000.000)
Tiền trả cổ tức	36	(82.146.840.435)	(34.257.542.810)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(82.146.840.435)</b>	<b>(270.951.542.810)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>(29.695.749.891)</b>	<b>31.498.142.591</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>132.428.793.188</b>	<b>100.954.999.456</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>	<b>(70.212.430)</b>	<b>(24.348.859)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 5)</b>	<b>70</b>	<b>102.662.830.867</b>	<b>132.428.793.188</b>

**27 -03- 2024**

Người lập:

Phạm Thị Thu Hương  
Kế toán

Người duyệt:

Bùi Đức Hòa  
Kế toán trưởng

Vũ Đình Hiền  
Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*